CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KHOÁI CHÂU
TỈNH HƯNG YÊN

Bản án số: 32/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20/5/2022
"V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Duy Tr.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị O.

2. Bà Vũ Thị T.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị L - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Lê T T - Kiểm sát viên.

Ngày 20/5/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 64/2022/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 03 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 25/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19/04/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 06/5/2022, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Chị Khưu Thị N H, sinh năm: 1997 (vắng mặt).

Quê quán: TĐ, TT, An Giang

HKTT: Thôn VT, xã DT, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

2. Bị đơn: Anh Lê H P, sinh năm: 1988 (vắng mặt).

HKTT, trú tại: Thôn VT, xã DT, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Cháu Lê B C, sinh ngày 02/11/2016 .

Người giám hộ cho cháu Chi là chị Khưu Thị N H và anh Lê H P, bố, mẹ đẻ của cháu.

Đều có HKTT: Thôn VT, xã DT, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

4. Người làm chứng: Bà Nguyễn T H, sinh năm 1964 (vắng mặt).

Trú tại: Thôn VT, xã DT, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Khưu Thị N H trình bày:

Về hôn nhân: Chị xây dựng gia đình với anh Lê H P, sinh năm 1988, quê quán, trú tại thôn VT, xã DT, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên trên cơ sở tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, anh, chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã DT, huyện Khoái Châu ngày 14 tháng 7 năm 2016.

Sau khi kết hôn, chị chuyển khẩu về chung sống cùng anh P tại thôn VT, xã DT, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị phát hiện ra anh P có sử dụng ma túy và đã từng vi phạm pháp luật, bị xử lý, không những vậy anh P còn ham chơi, lười lao động. Năm 2018, anh P tiếp tục phải đi chấp hành án do vi phạm pháp luật, đến năm 2021 anh P đi chấp hành án về nhưng vẫn không tu chí làm ăn mà ngược lại còn đi chơi thâu đêm suốt sáng. Do cuộc sống vợ chồng áp lực, quá mệt mỏi nên từ tháng 11/2021 chị đã đi thuê nhà ra ngoài sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Nay xác định tình cảm không còn nên chị xin được ly hôn với anh P.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Lê B C, sinh ngày 02/11/2016, hiện cháu đang sinh sống cùng chị, nếu ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Chi và không yêu cầu anh P phải có trách nhiệm đóng góp nuôi con chung. Hiện chị đang làm nghề Spa, thu nhập trung bình 10.000.000đ/1 tháng nên đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Chi.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp chung với hai bên gia đình và về đất nông nghiệp 03 của hai vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 16/03/2022, bị đơn anh Lê H P trình bày:

Anh không nhất trí ly hôn với chị Khưu Thị N H, vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Lê B C, về con chung và những vấn đề liên quan anh muốn cùng chị H thỏa thuận, giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 18/03/2022, người làm chứng, bà Nguyễn T H trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Lê H P. Năm 2016, gia đình bà tổ chức cho anh P kết hôn cùng chị Khưu Thị N H, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã DT, huyện Khoái Châu ngày 14/7/2016.

Sau khi kết hôn, chị H chuyển khẩu và về chung sống cùng anh P tại thôn VT xã DT. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh P chơi bời, không tu chí làm ăn và bị bạn bè rủ rê nên có sử dụng ma túy, nhiều lần anh P vi phạm pháp luật phải đi chấp hành án. Do anh P không để chị H yên ổn làm ăn nên vợ chồng đã sống ly thân, hiện chị H đã bỏ ra ngoài thuê nhà sinh sống. Nay chị H xin ly hôn với anh P, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị H.

Hiện nay anh P đang chung sống cùng với bà. Quá trình Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa chị H và anh P, bà đã nhiều lần nhận được Giấy triệu tập, thông báo anh P đến Tòa án làm việc, bà đã giao cho anh P nhưng anh P không đến Tòa án để giải quyết. Anh chị có một con chung là cháu Lê B C, sinh ngày 02/11/2016, hiện cháu đang sinh sống cùng chị H. Về tài sản chung, công nợ chung, đất ruộng nông nghiệp của vợ chồng anh P, theo bà không có gì liên quan. Quá trình sinh sống cùng gia đình bà, vợ chồng anh P không có đóng góp gì nên bà không yêu cầu đặt ra xem xét giải quyết.

Qua xác minh tại UBND xã DT ngày 14/04/2022 xác định: Anh Lê H P và chị Khưu Thị N H xây dựng gia đình trên cơ sở tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, anh, chị đã đăng ký kết hôn tại UBND xã DT ngày 14/7/2016 (số thứ tự 11, quyển số 01). Sau khi kết hôn, chị H chuyển khẩu và về chung sống cùng anh P tại thôn VT xã DT, hiện anh chị đang sống ly thân. Vợ chồng anh, chị có một con chung là cháu Lê B C, sinh ngày 02/11/2016. Ngoài ra, chính quyền địa phương còn đưa ra quan điểm về các vấn đề liên quan. Việc chị H xin ly hôn với anh P đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh P đến để tham gia hòa giải nhưng anh P đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Do công việc và tình hình dịch bệnh chị H đề nghị và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, người làm chứng đã tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 227; Điều 228; Điều 144; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung, giao cháu Lê B C, sinh ngày 02/11/2016 cho chị Khưu Thị N H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng; việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết. Sau khi ly hôn, anh Lê H P được quyền thăm nom và quyền xin thay đổi nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của chị H, anh P đối với hai bên gia đình: Không đặt ra giải quyết. Về án phí, chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

1. *Về thủ tục tố tụng*: Ngày 10/03/2022, chị Khưu Thị N H có đơn khởi kiện anh Lê H P, xin được ly hôn và giải quyết về con chung cũng như các vấn đề có liên quan. Anh Lê H P có hộ khẩu thường trú, trú tại thôn VT, xã DT, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28; Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vắng mặt do đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần. Vì vậy, căn cứ điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

2. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Khưu Thị N H và anh Lê H P kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, anh chị đã được UBND xã DT, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên đăng ký kết hôn vào ngày 14/7/2016 (số thứ tự 11, quyển số 01), do đó đã xác lập quan hệ vợ chồng hợp pháp. Quá trình giải quyết, chị H khẳng định vợ chồng chung sống không hạnh phúc, anh P không tu chí làm ăn dẫn vợ chồng ly thân từ tháng 11/2021, cả hai không còn quan tâm, chăm sóc nhau phù hợp với lời khai của người làm chứng, mẹ của anh P là bà Nguyễn T H và kết quả xác minh tại UBND xã DT. Quá trình giải quyết, chị H cương quyết xin ly hôn, anh P mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng không đưa ra biện pháp để vợ chồng đoàn tụ, Tòa án đã nhiều lần triệu tập nhưng anh P không đến, không tham gia hòa giải, không thể hiện thiện trí vợ chồng đoàn tụ. Xét cuộc sống, hạnh phúc gia đình anh, chị đang ở trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, cho chị H được ly hôn với anh P để cả hai sớm tạo lập cuộc sống mới.

3. *Về nuôi con chung*: Vợ chồng anh chị có một con chung là cháu Lê B C, sinh ngày 02/11/2016. Quá trình giải quyết chị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Chi, anh P không thể hiện rõ quan điểm của mình. Hội đồng xét xử nhận thấy cháu Chi thường xuyên sinh sống cùng chị H cuộc sống ổn định và đảm bảo, mặt khác cháu là con gái, còn nhỏ tuổi nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ, chị H có đủ điều kiện chăm sóc và nguyện vọng của chị H là hoàn toàn chính đáng nên cần giao cháu Chị cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, như nguyện vọng của chị H và quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ. Do chị H không yêu cầu việc đóng góp nuôi con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn anh P có quyền xin thay đổi nuôi con; quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

4. *Về tài sản chung; công nợ chung; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình*: Chị H không yêu cầu đặt ra xem xét giải quyết, anh P vắng mặt, chưa có ý kiến và yêu cầu phân chia nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này. Khi nào anh, chị có yêu cầu phân chia sẽ làm đơn khởi kiện để xem xét giải quyết trong vụ án dân sự khác.

5. *Về án phí*: Chị Khưu Thị N H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức nộp án phí, lệ phí Tòa án.

6. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 144; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử;

1. Về hôn nhân: Cho chị Khưu Thị N H được ly hôn với anh Lê H P.

2. *Về nuôi con chung*: Giao cháu Lê B C, sinh ngày 02/11/2016 cho chị Khưu Thị N H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Việc đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết.

Anh Lê H P có quyền xin thay đổi nuôi con; quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung; công nợ chung của vợ chồng; đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình*: Không đặt ra giải quyết. Khi nào anh, chị có yêu cầu phân chia sẽ làm đơn khởi kiện để xem xét giải quyết trong vụ án dân sự khác.

4. *Về án phí*: Chị Khưu Thị N H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo Biên lai số 0008267,

ngày 15/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Khoái Châu. Chị H đã thi hành xong phần án phí.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Hưng Yên;*
- *VKSND huyện Khoái Châu;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã DT.*
- *Chi cục THADS huyện KC;*
- *Lưu: Hồ sơ, Vp.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Duy Tr